

CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẢNG VỀ GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO ĐỘI NGŨ CÁN BỘ KHOA HỌC, KỸ THUẬT Ở MIỀN BẮC (1960-1975)

PHẠM ĐỨC KIÊN*

Sau ba năm tiến hành công cuộc cải tạo XHCN, bước đầu phát triển kinh tế - văn hóa (1958-1960), miền Bắc đã có sự thay đổi sâu sắc trên các lĩnh vực, tạo được tiền đề để chuyển sang một thời kỳ mới - thời kỳ tiến hành đầy mạnh công cuộc xây dựng CNXH. Nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ ở miền Bắc là công nghiệp hóa XHCN, trong đó mấu chốt là ưu tiên phát triển công nghiệp nặng nhằm biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước có công nghiệp hiện đại và nông nghiệp hiện đại. Để thực hiện được chủ trương đó, Đảng ta xác định: "Đi đôi với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, cần phải *đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật*"¹.

Mục tiêu của cuộc cách mạng XHCN về văn hoá và kỹ thuật là làm cho nhân dân lao động có trình độ văn hoá ngày càng cao, nắm vững sự phát triển về khoa học và kỹ thuật (KH-KT) và áp dụng được những hiểu biết đó vào xây dựng một nền văn hoá, KH-KT tiên tiến, thiết thực phục vụ sự nghiệp cách mạng XHCN. Để đạt được mục tiêu đó, một trong những giải pháp quan trọng là phải xúc tiến công tác KH-KT và đào tạo đội ngũ cán bộ (ĐNCB) KH-KT đủ tài năng, trí tuệ và phẩm chất chính trị, đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn xây dựng CNXH ở miền Bắc.

Trước yêu cầu của thực tiễn, nhận thức được vai trò của ĐNCB KH-KT, Đại hội III của Đảng (9-1960) đã ra *Nghị quyết về nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới*, trong đó xác định rõ đường lối phát triển giáo dục trong giai đoạn thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Nghị quyết nêu rõ: "Công tác giáo dục phải được phát triển theo quy mô lớn nhằm bồi dưỡng thế hệ trẻ thành những người lao động làm chủ nước nhà, có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hoá và kỹ thuật, có sức khỏe, nhằm phục vụ đắc lực cho việc đào tạo cán bộ và nâng cao trình độ văn hoá của nhân dân lao động"². Về giáo dục ĐNCB KH-KT, Đại hội III nhấn mạnh: "Để đẩy mạnh công tác khoa học và kỹ thuật, một mặt phải ra sức đào tạo cán bộ khoa học và xây dựng một cách có kế hoạch các cơ sở nghiên cứu khoa học. Cần có kế hoạch dài hạn và toàn diện đào tạo và bồi dưỡng một đội ngũ lớn mạnh bao gồm hàng vạn cán bộ chuyên môn về các mặt khoa học tự nhiên, kỹ thuật và khoa học xã hội"³. Muốn vậy, phải "Tăng cường ngành đại học, phát triển ngành chuyên nghiệp cao cấp, trung cấp, nghiên cứu cải tiến nội dung học tập và trước mắt cần rút ngắn thời gian học tập ở những nơi cần thiết và có thể, sao cho có thể nhanh chóng cung cấp nhiều cán bộ cho nhu cầu phát triển kinh tế và văn hoá".

Tiếp đó, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 Khóa III (4-1963) đã cụ thể hóa thêm một bước về chỉ tiêu

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

cán bộ cho một số ngành. Trong các ngành công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải đến năm 1965 cứ 100 công nhân kỹ thuật ít nhất có 1 cán bộ kỹ thuật trình độ đại học và khoảng 5 cán bộ trung cấp. Đặc biệt, trong nông nghiệp, tăng thêm cán bộ kỹ thuật có trình độ đại học cho các nông trường, tỉnh và huyện.

Thực hiện chủ trương trên của Đảng, để đáp ứng nhu cầu tăng cường ĐNCB KH-KT có trình độ cao đẳng, đại học, trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), ngành giáo dục đại học đã không ngừng mở rộng quy mô đào tạo, mở thêm trường lớp, tăng số lượng tuyển sinh hàng năm, phát triển các ngành học và mở rộng các hình thức đào tạo tại chức, chuyên tu. Cho đến năm học 1964-1965, số trường đại học đã tăng từ 10 trường năm học 1960-1961 lên 16 trường với 97 ngành học, số sinh viên tăng từ 16.690 người năm học 1960-1961 lên 29.337 người⁷.

Những năm 1960-1965 là chặng đường đánh dấu sự phát triển tương đối toàn diện của nền giáo dục đại học Việt Nam. Giai đoạn này đã hình thành một hệ thống trường đại học kiểu mới với quy mô ngày càng lớn, tốc độ phát triển ngày càng nhanh, chất lượng đào tạo đã được nâng lên một bước rõ rệt, nền giáo dục đại học đã “đào tạo một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật cung cấp cho các ngành kinh tế, văn hoá, khoa học, kỹ thuật, quốc phòng..., chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao cả về chuyên môn và chính trị, công tác nghiên cứu khoa học đã bắt đầu thiết thực phục vụ cho sản xuất, quốc phòng, hệ thống đào tạo chuyên tu và hàm thụ tại chức được mở rộng”⁸. Tuy vậy, số lượng và chất lượng đào tạo của nền đại học chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu bức thiết trước mắt và yêu cầu phát triển lâu dài của các ngành; hệ thống, nội dung đào tạo chưa ổn định; ĐNCB đào tạo ra chưa hoàn chỉnh về ngành nghề và trình độ, nội dung chuyên môn chưa phản ánh được những thành tựu KH-KT hiện đại và chưa kết hợp với thực tiễn Việt Nam.

Những năm 1964-1965, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh vào miền Nam và tiến hành mở

rộng chiến tranh phá hoại ra miền Bắc. Trước tình hình đó, dưới sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ, mọi hoạt động ở miền Bắc đã nhanh chóng chuyển từ thời bình sang thời chiến. Ngày 3-7-1965, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 102/CT- TW về tăng cường công tác tu dưỡng chính trị đối với cán bộ, học sinh, sinh viên. Ngày 5-8-1965, Thủ tướng Chính phủ ra Chỉ thị số 88/TTg-VG về việc chuyển hướng công tác giáo dục trước tình hình và nhiệm vụ mới, trong đó về giáo dục đại học và trung học chuyên nghiệp, Chỉ thị chủ trương: “Phải gấp rút đào tạo cho trước mắt và tương lai một đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ quản lý đông đảo, vững mạnh và tương đối hoàn chỉnh về ngành nghề, về trình độ; có đức, có tài, dần dần đủ sức giải quyết những vấn đề khoa học kỹ thuật trong nước và tiến tới trình độ tiên tiến của thế giới”⁷.

Trước sự phát triển của tình hình và nhiệm vụ cách mạng trên cả nước, ngày 28-6-1966, Bộ chính trị ra Nghị quyết số 142/NQ - TW về việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học, kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế. Đây là nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Đảng về công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ KH-KT. Nghị quyết nhấn mạnh: “Chúng ta phải tranh thủ trong một thời gian tương đối ngắn, xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý kinh tế đông đảo, vững mạnh, ngày càng hoàn chỉnh về trình độ và ngành nghề, vừa có phẩm chất chính trị tốt, tuyệt đối trung thành với Đảng, với giai cấp công nhân, với dân tộc..., vừa có trình độ khoa học kỹ thuật và nghiệp vụ giỏi..., và có khả năng tiến kịp trình độ khoa học, kỹ thuật tiên tiến trên thế giới”⁸. Từ việc xác định đúng đắn vai trò, vị trí của công tác đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật, Nghị quyết Bộ chính trị đã chỉ ra những biện pháp rất cơ bản nhằm xây dựng và phát triển ĐNCB trong điều kiện mới như: củng cố, phát triển và sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, tăng cường đào tạo và bồi dưỡng ĐNCB giảng

TRAO ĐỔI

day và cải tiến chương trình và nội dung giảng dạy, coi trọng giáo dục chính trị và tư tưởng cho cán bộ giảng dạy và sinh viên, cải tiến phương pháp đào tạo cán bộ, gắn liền học tập với lao động sản xuất, kết hợp chặt chẽ các hình thức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ...

Thực hiện những chủ trương lớn của Đảng và Chính phủ, từ năm học 1965-1966, công tác đào tạo ĐNCB có trình độ đại học đã nhanh chóng chuyển hướng hoạt động và ổn định tình hình, tiếp tục mở rộng quy mô đào tạo. Phong trào thi đua dạy tốt và học tốt tiếp tục được phát động và diễn ra sôi nổi ở các trường đại học. Trong điều kiện khó khăn do chiến tranh gây ra, thầy và trò các trường đại học vẫn nêu cao tinh thần trách nhiệm, phát huy truyền thống cần cù, tinh thần tự lực cánh sinh, khắc phục mọi khó khăn để đảm bảo giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học và xây dựng cơ sở đào tạo về mọi mặt. Nhờ vậy, giai đoạn này đội ngũ cán bộ KH-KT vẫn được tăng cường cả về số lượng và chất lượng với nhiều hình thức và chương trình đào tạo mới:

Năm học	Tổng số sinh viên	Hệ dài hạn	Hệ chuyên tu	Hệ tại chức
1965-1966	34208	23906	2400	7902
1966-1967	48402	32541	5118	10743
1967-1968	58159	42909	5586	9664
1968-1969	71383	51817	6069	13497
1969-1970	75670	61885	5170	8615
1970-1971	69902	53593	5872	10437
1971-1972	61978	48156	4078	9744

(Nguồn: Tổng cục Thống kê: *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XX*. Nxb Thống kê, Hà Nội, 12-2004, tr. 62)

Để đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn, ngành giáo dục đại học đã chú trọng các ngành khoa học cơ bản, các ngành kỹ thuật, quản lý kinh tế, đồng thời chú ý hơn các ngành giáo dục, y tế, văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao. Bên cạnh hình thức đào tạo tập trung, để phát triển quy mô đào tạo cán bộ KH-KT như Nghị quyết số 142 của Bộ chính trị đã đề ra, ngay từ năm

1965-1966, Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp đã có kế hoạch và biện pháp kết hợp các hình thức đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Ngày 10-5-1968, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chi thị số 49/TTg - VG về việc tăng cường công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ khoa học, kỹ thuật, kinh tế bằng hình thức tại chức, trong đó nhấn mạnh việc phát triển hình thức học tại chức "là một biện pháp cơ bản để bồi dưỡng và đào tạo cán bộ theo quy mô lớn, tốc độ nhanh, chất lượng tốt".

Với phương châm lý luận kết hợp với thực tiễn, học kết hợp với hành theo quan điểm chỉ đạo của Đảng, trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ngành giáo dục đại học đã tổ chức cho sinh viên đi phục vụ chiến đấu và sản xuất để trang bị cho người học những kiến thức từ thực tiễn xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhờ có quá trình đó, nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật phục vụ quốc phòng, giao thông vận tải đã được áp dụng trên chiến trường, hàng loạt đề tài phục vụ sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, phục vụ đời sống, sức khỏe của nhân dân và bộ đội đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và công cuộc xây dựng CNXH.

Sau khi Hiệp định Pari về Việt Nam được ký kết (1-1973), miền Bắc bước vào thời kỳ khôi phục và phát triển kinh tế, đẩy mạnh xây dựng CNXH. Trong điều kiện cách mạng mới, vấn đề đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải được chấn chỉnh nhằm ngang tầm với nhiệm vụ cách mạng, do vậy, ngày 20-2-1973 Bộ chính trị ban hành *Nghị quyết về công tác cán bộ trong giai đoạn mới*, trong đó về ĐNCB KH-KT, Nghị quyết xác định: "Phải xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật đông đảo có kiến thức cao về khoa học cơ bản, có kỹ năng thực hành giỏi, cân đối và đồng bộ về trình độ và ngành nghề, đủ sức giải quyết những vấn đề khoa học, kỹ thuật của Việt Nam và đuổi kịp trình độ tiên tiến của thế giới"¹⁰.

Nhờ có những chủ trương, đường lối đúng đắn, kịp thời và công tác lãnh đạo tổ chức thực hiện của Đảng,

từ năm học 1972-1973 đến khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, công tác giáo dục ĐNCB KH-KT đã thu được nhiều thành tích: đến năm học 1974-1975, miền Bắc đã có 39 trường đại học, với 8658 giáo viên và 55476 sinh viên, trong đó số sinh viên theo học dài hạn là 42892 người, học tại chức là 9582 và có 3002 người theo học hệ chuyên tu. Sinh viên tốt nghiệp trong năm học 1974-1975 là 7364 người.

Như vậy, trong sự nghiệp xây dựng CNXH ở miền Bắc, Đảng ta đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của KH-KT, quyết tâm phát triển KH-KT để tạo ra những tiền đề cơ sở vật chất - kỹ thuật đầu tiên cho CNXH. Trong quá trình đó, Đảng đã xác định công tác đào tạo ĐNCB KH-KT là một nhiệm vụ then chốt, quyết định đến thành công của cuộc cách mạng văn hoá và kỹ thuật ở miền Bắc. Trong những năm 1960-1975, Đảng đã có nhiều chủ trương, chính sách đúng đắn, kịp thời nhằm phát triển đội ngũ này cả về số lượng và chất lượng. Nhờ vậy, sau 15 năm đẩy mạnh công cuộc xây dựng CNXH, miền Bắc đã từng bước xây dựng được một ĐNCB KH-KT đông đảo có lý tưởng, có tài năng và không ngừng phát huy sức sáng tạo của mình phục vụ nhiệm vụ sản xuất và chiến đấu, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

1, 2, 3, 4. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.21, tr.929, 929-930, 554, 588

5. Tổng cục thống kê: *Số liệu thống kê Việt Nam thế kỷ XX*, NXB Thống kê, H, 2004, tr.619

6. Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp: *Báo cáo tổng kết công tác năm 1965, ngày 7-1-1996*. Hồ sơ 18017. Tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ quốc gia III

7, 9. *Một số văn kiện của Trung ương Đảng và Chính phủ về công tác đại học và trung học chuyên nghiệp (1960-1979)*, Hà Nội, 1979, tr.48, 74

8. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, T.27, tr.228

10. *Sđd*, T.34, tr.31.

VỀ MỘT SỐ Ý KIẾN...

(Tiếp theo trang 53)

Không những không đáp ứng lại những đề nghị thiện chí của Việt Nam, chính quyền Khome Đò còn tiến hành một cuộc chiến tranh trên toàn tuyến biên giới giữa hai nước, đồng thời ra sức tuyên truyền, bôi nhọ Việt Nam. Chính sách điên cuồng chống phá Việt Nam và khép kín trong đối ngoại, cùng chính sách diệt chủng trong đối nội khiến cho chế độ Khome Đò không thể bắt rễ trong quần chúng. Chính vì vậy, chỉ trong vòng 2 tuần, từ 23-12-1978 đến 7-1-1979, các lực lượng cứu nước Campuchia với sự giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam đã tiến vào Phnôm Pênh, lật đổ chế độ Khome Đò, cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi hoạ diệt chủng.

Sự nhầm lẫn của các tác giả Nga trong cuốn sách dẫn đến một cách nhìn méo mó, sai lệch về cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam Việt Nam trong những năm 1977-1978. Điều này không chỉ ảnh hưởng tới tính khách quan, khoa học của cả bộ sách, mà còn có thể làm tổn hại tới mối quan hệ tốt đẹp giữa nhân dân 3 nước Đông Dương.

Rất mong các tác giả có những sửa chữa cần thiết trong những lần tái bản bộ sách này.

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.5, tr.72-73

2. *Sđd*, T.7, tr.113

3, 4. *Sđd*, T.12, tr.40, 420

5, 9, 11, 15. Xem Bộ ngoại giao: "Sự thật về vấn đề Liên bang Đông Dương", Báo *Nhân dân*, ngày 8-4-1978

6, 7, 8, 12, 14. Xem R. M. Jennar: *Các đường biên giới của nước Campuchia cận đại*, Ban biên giới của Chính phủ, H, 2001, T.1, tr. 196, 197, 208-211, 205-206, 206

10, 13. Michel Blanchard: *Việt Nam - Campuchia: Một đường biên giới còn tranh cãi* (VIETNAM-CAMBODGE Une frontière contestée), bản dịch của Ban biên giới, tr. 44, 44

16. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, CTQG, H, 2002, T.37, tr. 618.